TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 07-3-2025.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Thanh Vũ**.
+ Ông **Đoàn Văn Em**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường Thịnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thùy T** - Sinh năm: 1994, địa chỉ: Số C, Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Võ Công Q** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Công Q kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/5/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc; chị và anh Q đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị T cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với anh Q, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có hai người con chung là: Võ Phương A - Sinh ngày 09/7/2017 và Võ Hà A1 - Sinh ngày 23/9/2020 (cả hai người con đang sống chung với chị T). Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi hai người con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Bị đơn là anh Võ Công Q vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị Đinh Thùy T, anh Võ Công Q vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 21, 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thùy T được ly hôn với anh Võ Công Q.

(2) Về con chung: Giao cho chị Đinh Thùy T được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Võ Công Q là: Võ Phương A - Sinh

ngày 09/7/2017 và Võ Hà A1 - Sinh ngày 23/9/2020 (cả hai người con đang sống chung với chị T), anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

(3) Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là anh Q có địa chỉ tại: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 01/11/2024, đồng thời chị T có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị T, anh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/5/2018, việc kết hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị T, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được chị T và anh Q có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2022 cho đến nay mà không đoàn tụ được, giữa chị T với anh Q không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, anh Q không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, trong khi đó chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Q; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Q theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi hai người con chung giữa chị với anh Q là: Võ Phương A - Sinh ngày 09/7/2017 và Võ Hà A1 - Sinh ngày 23/9/2020, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh Q vắng mặt trong quá

trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến việc nuôi con, trong khi đó cả hai người con đều đang sống chung với chị T, riêng cháu Phương A có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị T nên giao cho chị T tiếp tục nuôi hai người con là Võ Phương A, Võ Hà A1, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh Q vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thùy T, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thùy T được ly hôn với anh Võ Công Q.

2/ Về con chung:

Chị Đinh Thùy T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai người con chung giữa chị với anh Võ Công Q là: Võ Phương A - Sinh ngày 09/7/2017 và Võ Hà A1 - Sinh ngày 23/9/2020 (cả hai người con hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi các người con này đủ mười tám tuổi. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Võ Công Q có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh Q lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

Vì lợi ích của con chung, chị T, anh Q hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thùy T phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004515 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thùy T, anh Võ Công Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Khánh Trung A;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên